

Bản án số: **54** /2021/HS-ST  
Ngày 30-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Chương.

*Thẩm phán:* Ông Hồ Thanh Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tâm, ông Nguyễn Văn Sảo, bà Hoàng Thị Dên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn L** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/12/1996 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T 1, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn V và bà Trần Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/11/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

*(Bị cáo thuộc trường hợp được bào chữa bắt buộc theo quy định nhưng bị cáo từ chối và tự bào chữa tại phiên tòa).*

**\* Bị hại:**

1. Ông Chu Minh Đ, sinh năm 1959; có đơn xin xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Ma Thị L, sinh năm 1988; có đơn xin xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; có đơn xin xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

4. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; có đơn xin xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

5. Anh Ma Văn D, sinh năm 1976; có đơn xin xử vắng mặt;  
Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.
6. Chị Vũ Thị Huệ, sinh năm 1988; có đơn xin xử vắng mặt;  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ngọc Hội, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.
7. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1965; có đơn xin xử vắng mặt;  
Địa chỉ: Thôn N, xã Ngọc Hội, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.
8. Chị Lý Vân K, sinh năm 2003; có đơn xin xử vắng mặt;  
Địa chỉ: Thôn Kg, xã Kim Bình, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2020, Phan Văn L sử dụng tài khoản Facebook tên “L Lesnarr” tham gia nhóm “Chơi tiền giả” và kết bạn với tài khoản Facebook tên “Nam Hàu” (gọi là Nam Hàu). Nói chuyện qua tin nhắn, Nam Hàu cho L biết có tiền giả bán, với giá 01 triệu đồng tiền thật thì mua được 03 triệu đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng, hoặc 04 triệu đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng; nếu có nhu cầu mua thì Nam Hàu sẽ gửi tiền giả qua xe buýt đến địa chỉ của L, sau khi nhận được tiền giả thì L trả tiền thật cho Nam Hàu qua tài khoản ngân hàng. Từ tháng 9 đến tháng 11/2020, L đã 07 lần mua tiền giả của Nam Hàu để lưu hành, nhằm mục đích kiếm lời, cụ thể:

Vào khoảng tháng 9/2020, L thuê nhà ở tại Thành phố Hà Nội và đã liên hệ với Nam Hàu mua tiền giả về lưu hành để kiếm lời. L thỏa thuận với Nam Hàu gửi tiền giả qua xe buýt đến Bến xe Mỹ Đình và cung cấp thông tin người nhận gồm tên, số điện thoại 0963.345.084 của L; sau đó Nam Hàu gửi số điện thoại của xe buýt để L liên hệ nhận tiền giả. Sau khi nhận được tiền giả (thường được gói trong quyển vở học sinh, bên ngoài bọc túi nilon màu trắng đục), L mang về phòng trọ kiểm tra, rồi báo lại cho Nam Hàu biết. Việc thanh toán tiền mua tiền giả giữa L và Nam Hàu được L thực hiện bằng cách đi đến một cửa hàng bán điện thoại (không xác định được địa chỉ) chuyển tiền thật vào tài khoản ngân hàng khác do Nam Hàu cung cấp (không xác định được số tài khoản) để trả tiền mua tiền giả.

Với cách thức như trên, L đã 04 lần chuyển tổng số tiền thật là 7.000.000 đồng cho Nam Hàu để mua 31.000.000 đồng tiền giả (trong đó có 3.000.000 đồng loại mệnh giá 200.000 đồng; 28.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng), cụ thể: Ngày 08/9/2020, mua 3.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng; ngày 12/9/2020, mua 4.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng; ngày 18/9/2020, mua 12.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng; ngày 28/9/2020, mua 8.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng, cùng ngày này Nam Hàu gửi thêm cho L 4.000.000 đồng tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để bù vào lần mua trước có một số tiền giả kém chất lượng, không tiêu được.

Sau khi mua được tiền giả, đối với số tiền 28.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng, L đã tiêu thụ được 5.500.000 đồng tại 11 quán bán hàng trên địa bàn Thành phố Hà Nội (không xác định được địa chỉ); còn lại 22.500.000 đồng, L

đã đốt bỏ 15.500.000 đồng vì chất lượng kém, không dám tiêu thụ và mang về nhà tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang 7.000.000 đồng để tiếp tục tiêu thụ. Đối với số tiền giả 3.000.000 đồng loại mệnh giá 200.000 đồng, L đã mang đi tiêu thụ, nhưng đều bị phát hiện, nên đã đốt bỏ 2.000.000 đồng, còn giữ lại 1.000.000 đồng mang về nhà với mục đích để tiêu thụ.

Tháng 10/2020, L về nhà tại thôn T 1, xã V, huyện C và tiếp tục liên hệ với Nam Hào thông qua tài khoản Zalo tên “Phan L” nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “No No No” của Nam Hào (sau đó được đổi tên là “Hoàng” để mua tiền giả. Nam Hào yêu cầu L phải chuyển tiền thật trước vào tài khoản số 12310001089441, mang tên “DO KHAC QUY” mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), sau đó mới chuyển tiền giả cho L qua xe khách Bảo Yên chạy tuyến Hà Nội - C. Trong thời gian này, L đã 03 lần chuyển 13.000.000 đồng tiền thật cho Nam Hào (02 lần chuyển 8.000.000 đồng tại Cửa hàng điện thoại Toàn Thúy ở Phố Trinh, xã V, huyện C; 01 lần chuyển 5.000.000 đồng tại Cửa hàng điện thoại Cường Hân ở thôn Tông Trang, xã V, huyện C) để mua 53.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng (ngày 13/10/2020 mua 12.000.000 đồng; ngày 21/10/2020 mua 20.000.000 đồng và được Nam Hào cho thêm 1.000.000 đồng; ngày 21/11/2020 mua 20.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền giả L mang từ Hà Nội về, cộng với số tiền giả L mua khi ở nhà tại huyện C là 61.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng; 1.000.000 đồng loại mệnh giá 200.000 đồng).

Trong thời gian tháng 10 và tháng 11/2020, L đã tiêu thụ được 18.500.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng tại 37 quán bán hàng trên địa bàn huyện C, cụ thể: Tại xã T, L tiêu tiền giả ở 10 quán bán hàng, trong đó xác định được chủ quán và địa chỉ của 05 quán (Chu Minh Đ, thôn B; Ma Thị L, thôn L; Nguyễn Văn B, thôn B; Nguyễn Thị C và Ma Văn D, thôn T 1). Tại xã Ngọc Hội, L tiêu tiền giả ở 07 quán bán hàng, trong đó xác định được chủ quán và địa chỉ của 02 quán (Vũ Thị H, thôn Đ; Nguyễn Ngọc L, thôn N). Tại xã Kim Bình, L tiêu tiền giả ở 03 quán bán hàng, trong đó xác định được chủ quán Lý Văn K, thôn Kg. Tại xã Hòa An, L tiêu tiền giả ở 06 quán bán hàng; tại xã Trung Hòa, L tiêu tiền giả ở 04 quán bán hàng và tại thị trấn Vĩnh Lộc, L tiêu tiền giả ở 07 quán bán hàng, nhưng đều không xác định được địa chỉ.

Như vậy, từ tháng 9 đến tháng 11/2020, L đã sử dụng 20.000.000 đồng tiền thật để mua 84.000.000 đồng tiền giả của “Nam Hào” (81.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng). Số tiền giả này, L đã tiêu thụ tại các địa bàn Thành phố Hà Nội và huyện C, tỉnh Tuyên Quang được 24.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng ở 48 quán bán hàng; ngoài giá trị hàng hóa đã mua là 1.000.000 đồng, L còn thu về được 23.000.000 đồng tiền thật, hưởng lợi 4.000.000 đồng (bao gồm cả giá trị hàng hóa). Đối với số tiền thật 23.000.000 đồng trên, L đã sử dụng để mua tiền giả và chi tiêu cá nhân 10.000.000 đồng, còn 13.000.000 đồng (trong số 15.234.000 đồng thu được tại nhà của L) đã bị Cơ quan điều tra thu giữ. Về số hàng hóa mua được bằng cách tiêu thụ tiền giả, L đã sử dụng hết. Số tiền giả còn lại là 42.500.000 đồng, L đã đốt bỏ 16.000.000 đồng kém chất lượng, còn lại 26.500.000 đồng L cất giấu tại nhà, chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ

(25.500.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng và 1.000.000 đồng loại mệnh giá 200.000 đồng).

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSTQ-P1 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phan Văn L về tội Lưu hành tiền giả theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng: khoản 3 Điều 207; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 10 năm tù đến 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Phan Văn L đã bồi thường cho các bị hại Chu Minh Đ, Ma Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C, Ma Văn D, Vũ Thị Huệ, Nguyễn Ngọc L, Lý Văn K mỗi người 500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo Phan Văn L để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus.

- Do bị cáo tiêu thụ tiền giả thu lời 24.000.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại 4.000.000 đồng; do vậy cần truy thu của bị cáo Phan Văn L số tiền 20.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Được trừ số tiền thu giữ của bị cáo là 15.234.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản số 3941.0.1006751.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Phan Văn L còn phải nộp 4.766.000 đồng (*Bốn triệu B trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng và mệnh giá 200.000 đồng đã thu giữ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về phần bồi thường đã được gia đình bị cáo bồi thường mỗi bị hại 500.000 đồng.

Bị cáo Phan Văn L không có ý kiến tranh luận; kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng kết quả trưng cầu giám định, tang vật thu giữ; sao kê tài khoản ngân hàng; lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 11/2020, Phan Văn L, trú tại Thôn T 1, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang thông qua mạng xã hội Facebook và Zalo đã có hành vi sử dụng 20.000.000 đồng tiền thật để mua 84.000.000 đồng tiền giả của “Nam Hào” (81.000.000 đồng loại mệnh giá 500.000 đồng và 3.000.000 đồng loại mệnh giá 200.000 đồng). Số tiền giả này, L đã tiêu thụ được 24.000.000 đồng bằng cách mua hàng hóa có tổng giá trị là 1.000.000 đồng tại 48 quán bán hàng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và huyện C, tỉnh Tuyên Quang, thu được 23.000.000 đồng tiền thật. Như vậy, tổng số tiền L được hưởng lợi qua thực hiện hành vi mua bán, tiêu thụ tiền giả là 4.000.000 đồng (3.000.000 đồng tiền mặt và 1.000.000 đồng giá trị hàng hóa). Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Phan Văn L phạm tội Lưu hành tiền giả; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an của xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe để lao động và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi và lười lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự, quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã đặt mua 07 lần tiền giả và nhiều lần sử dụng tiền giả mua hàng hóa thành công nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Phan Văn L đã bồi thường cho các bị hại Chu Minh Đ, Ma Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C, Ma Văn D, Vũ Thị Huệ, Nguyễn Ngọc L, Lý Văn K mỗi người 500.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo Phan Văn L để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus.

- Do bị cáo tiêu thụ tiền giả thu lời 24.000.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại 4.000.000 đồng; do vậy cần truy thu của bị cáo Phan Văn L số tiền 20.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước. Được trừ số tiền thu giữ của bị cáo là 15.234.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản số 3941.0.1006751.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Phan Văn L còn phải nộp 4.766.000 đồng (*Bốn triệu B trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số tiền giả có mệnh giá 500.000 đồng và mệnh giá 200.000 đồng đã thu giữ.

[7] Đối với tài khoản Viettel Pay số 9704229208658710043, tên là số điện thoại 0963.023.018, chủ tài khoản là Nguyễn Thị Mai, trú tại thôn Khả Lạc, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội. Mai khai báo không mở, sử dụng và cũng không biết ai mở, sử dụng tài khoản và số điện thoại trên; không quen biết người có tên Đỗ Khắc Quý; không mua bán tiền giả với ai. Còn chủ thuê bao số điện thoại trên là Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Tiến Dương, địa chỉ số 662, xóm Chùa Nhĩ, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, nhưng xác minh tại địa chỉ trên không có Công ty Tiến Dương, vì vậy không xác định được ai là người sử dụng số thuê bao này.

Đối với tài khoản ngân hàng số 12310001089441, tên tài khoản “DO KHAC QUY” mở tại BIDV, chủ tài khoản là Đỗ Khắc Quý, trú tại thôn Lâm Sơn, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Quý khai báo không mở, sử dụng và cũng không biết ai mở, sử dụng tài khoản trên. Trong tháng 9/2020, Quý có sử dụng Facebook tìm nơi cho vay tiền và đã kết nối với người đàn ông có số điện thoại 0394.396.515 hướng dẫn làm hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Quý đã gửi hồ sơ cho người này (chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu), nhưng không được vay và cũng không được trả lại hồ sơ. Xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0394.396.515 là bà Hồ Thị Mỹ, trú tại khối Ái Quốc, phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; bà Mỹ khai báo không đăng ký, sử dụng và không cho ai mượn thông tin cá nhân để đăng ký số điện thoại trên, nên không xác định được người sử dụng số điện thoại này.

Đối với chủ thuê bao điện thoại 0902.307.613 đã đăng ký mở tài khoản ngân hàng tên “DO KHAC QUY” là Huỳnh Thị Minh Huệ, đăng ký HKTT Ấp 5, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (đang ở tại C15, Kinh Trung Ương, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh). Huệ khai báo bản thân không đăng ký, sử dụng và cũng không biết ai đăng ký, sử dụng số điện thoại trên; không biết thông tin gì về tài khoản ngân hàng “DO KHAC QUY”; không mua bán tiền giả với ai.

Đối với 17 tài khoản ngân hàng phát sinh giao dịch với tài khoản “DO KHAC QUY”, gồm: (1) Trần Ngọc Điệp, tài khoản số 6600193639999. (2) Nguyễn Thị Mận, tài khoản số 9990132110393. (3) Đinh Văn Trang, tài khoản số 2030123397979. (4) Phạm Thị Diệu Ly, tài khoản số 2207205285192. (5) Vương Thị Nơi, tài khoản số 002704060455942. (6) Bùi Thị Thương, tài khoản số

021704060255326. (7) Đỗ Thị Chuyên, tài khoản số 028704060079033. (8) Nguyễn Tiên Trung, tài khoản số 028704060067363. (9) Trần Thị Hà, tài khoản số 036704060071588. (10) Trịnh Anh Tuấn, tài khoản số 19035286771016. (11) Nguyễn Thị Yến, tài khoản số 19033883127011. (12) Phạm Lệ Thủy, tài khoản số 19034575770013. (13) Phùng Thị Ngọc Ánh, tài khoản số 19034170466015. (14) Phạm Văn Giả, tài khoản số 19036267658019. (15) Dương Văn Chiến, tài khoản số 19034083712018. (16) Đỗ Ngọc L, tài khoản số 9027255246662. (17) Nguyễn Thị Mơ, tài khoản số 020083705524. Trong đó, chủ tài khoản Phạm Văn Giả đã chết; các chủ tài khoản Vương Thị Nôi, Đinh Văn Trang, Bùi Thị Thương, Trịnh Anh Tuấn, Nguyễn Thị Yến không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ chỗ ở, nơi làm việc. Còn lại 10 người đều khai báo bản thân có kinh doanh dịch vụ chuyển tiền ngân hàng, bán hàng online trên mạng Internet, hoặc được người khác nhờ chuyển tiền, nhưng không nhớ được lý do phát sinh giao dịch với tài khoản ngân hàng “DO KHAC QUY”, không biết thông tin về người sử dụng tài khoản này.

Riêng trường hợp Đỗ Ngọc L, là bị can trong vụ án Làm, lưu hành tiền giả xảy ra tại huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, đã có 11 lần chuyển tổng số tiền 35.500.000 đồng đến tài khoản “DO KHAC QUY”. Đỗ Ngọc L khai nhận năm 2020 có mua mặt gấu của một người lái xe ôm (không rõ lai lịch) và người này bảo L chuyển tiền thanh toán vào tài khoản trên, do L không đủ tiền nên phải chuyển nhiều lần; không quen biết, không bán tiền giả cho bị cáo Phan Văn L. Do đó không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với Hứa Công Toàn, trú tại thôn Bình An, xã Bình Nhân, huyện C, là chủ Cửa hàng điện thoại Toàn Thúy và Vũ Thế Cường, trú tại thôn Quang Hải, xã V, huyện C, là chủ Cửa hàng điện thoại Cường Hân. Cả hai cửa hàng này đều làm dịch vụ chuyển tiền, trong thời gian tháng 10 và tháng 11/2020, bị cáo Phan Văn L có đến hai cửa hàng này nhờ chuyển tiền đến tài khoản “DO KHAC QUY”, nhưng biết mục đích L chuyển tiền để làm gì. Nội dung khai báo của Toàn và Cường phù hợp với lời khai của bị cáo Phan Văn L, vì vậy không xem xét xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội “Lừa hành tiền giả”.

1. Xử phạt bị cáo Phan Văn L 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/11/2020.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận bị cáo Phan Văn L đã bồi thường cho các bị hại Chu Minh Đ, Ma Thị L, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị C, Ma Văn D, Vũ Thị Huệ, Nguyễn Ngọc L, Lý Văn K mỗi người 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu của bị cáo Phan Văn L để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu trắng bạc, vỏ bằng kim loại, trên màn hình có nhiều vết nứt vỡ, mặt sau điện thoại có dòng chữ “Model A1634 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C-E2944A, đựng trong 01 phong bì niêm phong dán kín, tại các mép dán của phong bì có chữ ký, họ tên của Phan Văn L và đóng dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Truy thu của bị cáo Phan Văn L số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Được trừ số tiền thu giữ của bị cáo là 15.234.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng*) đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo Phan Văn L còn phải nộp 4.766.000 đồng (*Bốn triệu B trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì ghi “Mẫu ký hiệu (KHM1)”, có chữ ký tắt và dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lai. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có số seri: JQ 18718954.

01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì ghi “Mẫu ký hiệu (KHM4)”, có chữ ký tắt và dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lai. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có số seri: JQ 18718954.

01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì ghi “Mẫu ký hiệu (KHM5)”, có chữ ký tắt và dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lai. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có số seri: JQ 18718954.

01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì ghi “Mẫu ký hiệu (KHM6)”, có chữ ký tắt và dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lai. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có số seri: JQ 18718954.

01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì có ghi nội dung “26.500.000<sup>d</sup> (hai sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền giả thu giữ tại nơi ở của Phan Văn L”, có chữ ký “L”, họ tên “Phan Văn L” và có đóng dấu tròn của Công an thị trấn Vĩnh Lộc, huyện C, tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lai. Trên bì ghi thông tin đồ vật



được niêm phong là: 27 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có cùng số seri JQ 18718954; 24 tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), có cùng số seri JQ 18718555; 05 tờ tiền giả mệnh giá 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng), có cùng số seri LM 11158681.

01 (một) phong bì niêm phong, trên phong bì có ghi nội dung “Bì nylon, trên bì có dòng chữ “Người nhận: L SĐT: 0963345084 Địa chỉ Huyện C Tuyên Quang”, có chữ ký “L”, họ tên “Phan Văn L”, chữ ký, họ tên “Đỗ Văn Cả” và có đóng dấu tròn của Công an xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang tại mép giáp lại. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 01 (một) bì nylon ghi dòng chữ “Người nhận: L SĐT: 0963345084 Địa chỉ Huyện C Tuyên Quang”.

01 (một) phong bì niêm phong dán kín, mặt trước của phong bì có nội dung: “CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG - PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - ĐỘI GIÁM ĐỊNH”; tại các mép dán của phong bì có chữ ký, họ tên của Tạ Phương và Nguyễn Việt Thắng, có đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Trên bì ghi thông tin đồ vật được niêm phong là: 04 (bốn) tờ tiền giả mệnh giá 500.000<sup>d</sup> (năm trăm nghìn đồng), cùng có số seri: JQ 18718954.

*(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 02/12/2021).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/12/2021; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Phòng PC 10 CAT;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hà Văn Chương**





